

# Xuất khẩu cà phê của Việt Nam: Thực trạng và gợi ý chính sách

TS. TRẦN NHUẬN KIÊN\*

NCS. NGÔ THỊ MỸ\*\*

*Trên cơ sở đánh giá thực trạng và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu cà phê của Việt Nam giai đoạn 1997 - 2013, bài viết cho rằng cà phê là mặt hàng xuất khẩu có thế mạnh của Việt Nam. Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu (KNXK) cà phê phụ thuộc khá nhiều vào sự biến động của thị trường thế giới. Sử dụng mô hình trọng lực, nghiên cứu chỉ ra các yếu tố: GDP của 2 nước, diện tích đất nông nghiệp, lạm phát, tỷ giá hối đoái, độ mở nền kinh tế và việc quốc gia nhập khẩu là thành viên của WTO có ảnh hưởng đến KNXK cà phê của Việt Nam. Dựa vào các kết quả nghiên cứu, bài viết đưa ra những gợi ý chính sách nhằm đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu cà phê của Việt Nam.*

*Từ khóa: Cà phê, xuất khẩu, mô hình trọng lực, RCA, Việt Nam.*

## 1. Đặt vấn đề

Trải qua hơn 30 năm đổi mới và hội nhập, xuất khẩu nông sản của Việt Nam đã gặt hái được nhiều thành công đáng ghi nhận. Tính đến hết năm 2014, KNXK nông sản của Việt Nam là 30,8 tỷ USD (World Bank, 2015a), đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 14,54% trong giai đoạn 1997 - 2014. Một số mặt hàng nông sản chủ lực đã tạo dựng được vị trí dẫn đầu trên thị trường thế giới như gạo, cà phê, tiêu... Thị trường tiêu thụ nông sản của Việt Nam không ngừng được mở rộng. Đây có thể coi là kết quả quan trọng của Việt Nam có được nhờ các chính sách mở cửa phù hợp nhằm phát huy những lợi thế so sánh của đất nước.

Bài viết này tập trung nghiên cứu chuyên biến trong xuất khẩu cà phê của Việt Nam, mặt

hàng nông sản đang đứng trong nhóm các nước xuất khẩu hàng đầu thế giới. Bên cạnh việc đưa ra những đánh giá về các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu cà phê, bài viết gợi ý một số chính sách nhằm đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong thời gian tới.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng các chỉ số thương mại, phương pháp so sánh, phương pháp phân tích dãy số theo thời gian và phương pháp hồi quy nhằm đánh giá được thực trạng phát triển KNXK cà phê và các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong giai đoạn 1997 - 2013. Số liệu thứ cấp sử dụng cho nghiên cứu được thu thập từ các tổ chức có uy tín trong nước và trên thế giới. Trong phương pháp hồi quy, mô hình trọng lực (Gravity model) được đề xuất và sử dụng để đánh giá các

\*Trưởng Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái Nguyên

yếu tố chính ảnh hưởng đến kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam.

### 3. Kết quả nghiên cứu

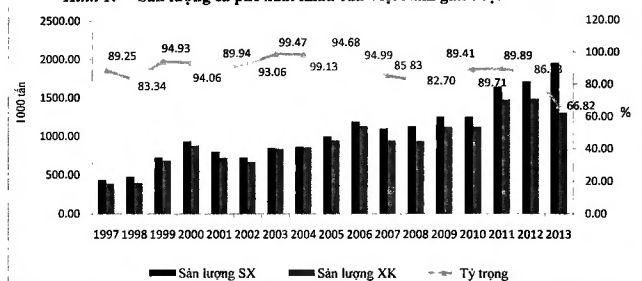
#### 3.1. Thực trạng xuất khẩu cà phê của Việt Nam

##### Về sản lượng xuất khẩu

Cây cà phê đã có mặt ở Việt Nam từ cuối Thế kỷ XIX, tuy nhiên nó chỉ thực sự được chú

ý và phát triển mạnh từ những năm 1990 trở lại đây. Hiện nay, cà phê là loại nông sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, chỉ đứng thứ hai sau gạo. Cà phê của Việt Nam đã xuất hiện ở nhiều thị trường thuộc các châu lục khác nhau trên thế giới. Hình 01 cho thấy sự biến động về sản lượng sản xuất và xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong giai đoạn 1997 - 2013.

**Hình 1: Sản lượng cà phê xuất khẩu của Việt Nam giai đoạn 1997 - 2013**



*Nguồn: USDA, 2015.*

Các số liệu trong Hình 1 cho thấy, năm 1997 Việt Nam sản xuất được 437.000 tấn cà phê. Sản lượng cà phê tăng lên hơn 1,1 triệu tấn năm 2006. Với lượng cầu ngày một tăng, sản lượng cà phê của Việt Nam tiếp tục tăng nhanh trong giai đoạn 2007 - 2013, đạt gần 2 triệu tấn cà phê năm 2013. Cà phê của Việt Nam sản xuất chủ yếu phục vụ thị trường ngoài nước với khoảng trên 80% sản lượng sản xuất được xuất khẩu trong giai đoạn nghiên cứu, trừ năm 2013 với lượng xuất khẩu chỉ ở mức 66,82%<sup>1</sup> trong tổng sản lượng cà phê sản xuất (xem Hình 1). Như vậy, có thể nói, sản xuất cà phê của Việt Nam

đã đáp ứng được tốt nhu cầu tiêu thụ của thế giới. Đây là thành quả to lớn của ngành cà phê nói riêng và nông sản Việt Nam nói chung.

##### Về kim ngạch xuất khẩu

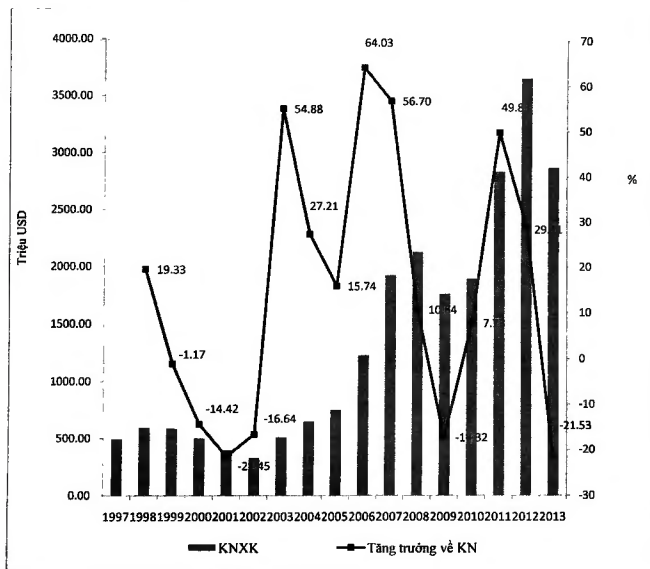
<sup>1</sup> Năm 2013 do ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng nợ công tại khu vực EU đã làm cho cho sản lượng cà phê của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường này giảm mạnh. Trong số 13 thị trường nhập khẩu cà phê của Việt Nam có tới 11 thị trường đã giảm nhập khẩu so với năm trước (Bộ Công thương Việt Nam, 7/3/2014).

Trong khi sản lượng cà phê xuất khẩu có xu hướng tăng khá đều trong giai đoạn 1997 - 2013, KNXX mặt hàng này lại có nhiều biến động phức tạp (xem Hình 2). Sau khi tăng vào năm 1998, KNXX cà phê giảm nhanh vào những năm tiếp theo (giảm sâu nhất là năm 2001 với tốc độ tăng trưởng là -21,45%). Nguyên nhân làm cho KNXX cà phê giảm mạnh là do thừa cung, dẫn đến giá xuất khẩu cà phê giảm mạnh. Năm 2003, KNXX cà phê tăng trở lại với tốc độ tăng trưởng rất cao (tăng 54,88% so với 2002). Tốc độ tăng trưởng dương được duy trì đến năm 2008. Những bất

ồn của nền kinh tế thế giới năm 2009 đã ảnh hưởng đáng kể đến xuất khẩu nông sản nói chung và xuất khẩu cà phê của Việt Nam nói riêng, dẫn đến tốc độ tăng trưởng xuất khẩu âm của cà phê (-17,32%). Tuy nhiên, KNKK và phê phục hồi ngay trong năm 2010 và tăng mạnh trong năm 2011. Đến năm 2013, cuộc khủng hoảng nợ công ở khu vực châu Âu là nguyên nhân làm cho sản lượng nhập khẩu của các

nước tại khu vực này giảm mạnh. Kết quả là KNKK cà phê của Việt Nam năm 2013 giảm 791,24 triệu USD tức là giảm 21,53% so với năm 2012 (World Bank, 2015a). Kết quả phân tích cho thấy, KNKK cà phê của Việt Nam chịu nhiều ảnh hưởng bởi những biến động của kinh tế thế giới. Ngoài ra, các nhân tố như chất lượng, mẫu mã, chủng loại cũng có tác động nhất định đến KNKK và phê của Việt Nam.

**Hình 2: KNKK và phê của Việt Nam giai đoạn 1997 - 2013**



**Nguồn:** Worldbank và tính toán của tác giả, 2015.

#### Về thị trường xuất khẩu

Thị trường xuất khẩu cà phê Việt Nam ngày càng được mở rộng đến khắp các nước trên thế

giới. Trước đây, hầu hết sản lượng cà phê được sản xuất ra để giao hàng theo Nghị định thư với Liên Xô và các nước Đông Âu. Tuy nhiên, khi

hệ thống các nước XHCN ở Đông Âu và Liên Xô tan rã, thị trường xuất khẩu cà phê đã được chuyển hướng sang các khu vực khác như Bắc Mỹ, EU (điển hình là Đức), Nhật Bản... Hiện nay, thị trường xuất khẩu cà phê của Việt Nam

tập trung chủ yếu ở 2 khu vực châu Âu và châu Á, chiếm khoảng 60% KNXK cà phê của cả nước. Bảng 1 khái quát về thị trường xuất khẩu cà phê của Việt Nam tại 2 khu vực lớn là châu Âu và châu Á trong giai đoạn 1997 - 2013.

**Bảng 1: Thị trường xuất khẩu cà phê của Việt Nam giai đoạn 1997 - 2013**

Năm	KNXK (Triệu USD)			Tỷ trọng (%)	
	Thế giới	Châu Á	EU (27)	Châu Á/Thế giới	EU (27)/Thế giới
1997	497,62	175,98	142,92	35,36	28,72
2000	502,20	89,19	218,51	17,76	43,51
2005	749,84	100,87	314,85	13,45	41,99
2010	1899,24	367,06	729,64	19,33	38,42
2011	2846,01	540,77	1063,56	19,00	37,37
2012	3674,40	754,78	1298,63	20,54	35,34
2013	2883,16	680,50	1127,70	23,60	39,11
<b>Tỷ trọng bình quân (%)</b>	<b>11,16</b>	<b>8,82</b>	<b>13,78</b>		

*Nguồn: World Bank và tính toán của tác giả, 2015.*

Ngoại trừ năm 1997, KNXK cà phê của Việt Nam vào thị trường châu Âu luôn cao hơn so với thị trường châu Á. Tỷ trọng KNXK cà phê sang khu vực châu Á có xu hướng giảm vào đầu những năm 2000 chủ yếu là do sự cạnh tranh gay gắt từ phía Indonesia. Từ năm 2005 đến nay, KNXK cà phê của Việt Nam vào khu vực châu Á đã được cải thiện đáng kể, một phần do Indonesia giảm đáng kể sản lượng xuất khẩu. Kết quả là tỷ trọng cà phê xuất khẩu vào khu vực này tăng từ 13,45% năm 2005 lên 23,6% năm 2013.

Việt Nam thuộc nhóm các nước xuất khẩu cà phê lớn nhất thế giới với sản lượng cà phê xuất khẩu tăng trưởng mạnh trong giai đoạn 1997 -

2013. Trong nhóm các nước xuất khẩu cà phê lớn nhất thế giới, Brazil là nước dẫn đầu và có sự cách biệt rất lớn về sản lượng xuất khẩu so với các nước khác (xem Bảng 2). Trong những năm gần đây, Việt Nam đã vươn lên vị trí thứ 2 sau Brazil về KNXK cà phê. Trong khi các nước khác có sản lượng cà phê xuất khẩu tương đối ổn định trong giai đoạn 1997 - 2013, KNXK cà phê của Việt Nam tăng tương đối mạnh với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm là 7,8%, mức cao nhất trong nhóm các nước xuất khẩu cà phê lớn nhất thế giới. Sản lượng cà phê xuất khẩu của Việt Nam năm 2013 cao gấp 2 lần mức của Colombia, gấp gần 3 lần Indonesia và hơn 4 lần mức của Ấn Độ.

**Bảng 2: Sản lượng (SL) và phê xuất khẩu của một số quốc gia trên thế giới giai đoạn 1997 - 2013**

Quốc gia	1997		2005		2010		2013		Tốc độ phát triển bình quân (%)
	SL (1.000 tấn)	Tỷ trọng (%)	SL (1.000 tấn)	Tỷ trọng (%)	SL (1.000 tấn)	Tỷ trọng (%)	SL (1.000 tấn)	Tỷ trọng (%)	
Brazil	891,00	24,18	1472,58	22,97	2100,60	26,20	2047,80	23,26	105,3
<b>Việt Nam</b>	<b>390,00</b>	<b>10,58</b>	<b>944,88</b>	<b>14,74</b>	<b>1118,40</b>	<b>13,95</b>	<b>1300,00</b>	<b>14,76</b>	<b>107,8</b>
Colombia	651,78	17,69	640,68	9,99	503,10	6,27	662,10	7,52	100,1
Indonesia	302,40	8,21	483,60	7,54	583,20	7,27	468,00	5,32	102,8
Ấn Độ	204,00	5,54	228,00	3,56	330,90	4,13	288,00	3,27	102,2
Honduras	153,24	4,16	171,00	2,67	234,00	2,92	236,40	2,68	102,7
<b>Thế giới</b>	<b>3685,20</b>	<b>100,00</b>	<b>6411,06</b>	<b>100,00</b>	<b>8019,06</b>	<b>100,00</b>	<b>8804,70</b>	<b>100,00</b>	<b>105,59</b>

*Nguồn: USDA, ICO và tính toán của tác giả, 2015.*

Tuy là nước có sản lượng xuất khẩu lớn, giá xuất khẩu cà phê của Việt Nam lại tương đối thấp so với các đối thủ như Brazil và Indonesia. Ngoài nguyên nhân về giống, cà phê xuất khẩu của Việt Nam vẫn tập trung chủ yếu ở dạng thô, chưa qua chế biến. Đây là lý do chính làm cho giá cà phê xuất khẩu của Việt Nam luôn bị thấp hơn các đối thủ trên.

### 3.2. Lợi thế so sánh trong xuất khẩu cà phê của Việt Nam

Cà phê là một trong số các mặt hàng nông sản có lợi thế so sánh cao của Việt Nam (chỉ sau gạo). Xét trên khía cạnh những nước có sản lượng cà phê xuất khẩu hàng đầu thế giới thì Chỉ số Lợi thế so sánh (RCA) cao nhất thuộc về quốc gia nằm ở khu vực Trung Mỹ (Colombia). Vào cuối những năm 90, Chỉ số RCA của Colombia đạt giá trị rất cao, tuy nhiên chỉ số này có xu hướng giảm mạnh theo thời gian. Tính đến năm 2013, Chỉ số RCA của Colombia còn 15,57 (giảm hơn 4 lần so với năm 1997). Đứng thứ 2 về Chỉ số RCA trong 5 nước xuất khẩu cà phê

lớn nhất thế giới là Việt Nam. So với Colombia, Chỉ số RCA của cà phê Việt Nam thấp hơn nhiều, xu hướng biến động khá phức tạp. Chỉ số RCA cao nhất của Việt Nam là 25,89 (năm 2007) và thấp nhất là 9,23 (năm 2013). Brazil là quốc gia có sản lượng cà phê sản xuất và xuất khẩu lớn nhất trên thế giới song Chỉ số RCA của mặt hàng này đứng thứ 3 (sau Colombia và Việt Nam) và đang có xu hướng giảm dần theo thời gian. Hai nước còn lại là Indonesia và Ấn Độ cũng được đánh giá là có lợi thế so sánh khá cao trong xuất khẩu cà phê. Tuy nhiên, chỉ số RCA của hai nước này so với Colombia, Việt Nam và Brazil vẫn còn một khoảng cách khá xa.

Như vậy, Chỉ số RCA của các nước xuất khẩu cà phê hàng đầu thế giới đang có xu hướng giảm dần trong những năm gần đây. Tốc độ giảm nhanh hay chậm còn tùy thuộc mức độ quan trọng của mặt hàng này ở mỗi quốc gia khác nhau<sup>2</sup>.

<sup>2</sup> Theo Balassa, các sản phẩm chủ lực của một quốc gia sẽ là sản phẩm có lợi thế so sánh. Do đó, cách đơn giản nhất để xác định RCA của một quốc gia là dựa vào cơ cấu xuất khẩu của quốc gia đó.

**Bảng 3:** Chỉ số RCA của cà phê đối với một số quốc gia trên thế giới giai đoạn 1997 - 2013

Năm	Việt Nam	Brazil	Colombia	Indonesia	Ấn Độ
1997	17,06	18,62	66,10	3,12	4,13
2000	18,71	17,46	48,22	2,95	3,36
2005	14,78	15,81	49,25	3,95	2,15
2010	12,93	14,36	26,86	3,06	1,25
2011	11,86	13,77	21,14	2,59	1,23
2012	13,40	11,12	15,29	3,44	1,30
2013	9,23	9,21	15,57	3,40	1,08

Nguồn: Worldbank và tính toán của tác giả 2015.

### 3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu cà phê của Việt Nam

#### Mô hình phân tích

Để nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu cà phê của Việt Nam, Mô hình Trọng lực được sử dụng. Đây là mô hình được phát triển bởi Tinbergen (1962) và Linnemann (1966) dựa trên định luật trọng lực hấp dẫn. Cho đến nay,

$$EXPORT_{it} = A \times GDP_{it}^{\beta_1} \times GDP_{jt}^{\beta_2} \times (POP_{it} \times POP_{jt})^{\beta_3} \times (LAN_{it} \times LAN_{jt})^{\beta_4} \\ \times INF_{it}^{\beta_5} \times DIS_{ijt}^{\beta_6} \times EDIS_{ijt}^{\beta_7} \times ER_{it}^{\beta_8} \times OPEN_{it}^{\beta_9} \times e^{WTO_{ijt}^{\beta_{10}} \times APEC_{ijt}^{\beta_{11}} \times \alpha_{ijt}}$$

Trong đó:  $EXPORT_{it}$ : KNKK cà phê của Việt Nam tới nước  $j$  trong năm  $t$ ;  $GDP_{it}$ ,  $POP_{it}$ ,  $LAN_{it}$ ,  $OPEN_{it}$ : Lần lượt là GDP, dân số, diện tích đất nông nghiệp và độ mở nền kinh tế của Việt Nam tại năm  $t$ ;  $GDP_{jt}$ ,  $POP_{jt}$ ,  $LAN_{jt}$ ,  $OPEN_{jt}$ : Lần lượt là GDP, dân số, diện tích đất nông nghiệp và độ mở của nền kinh tế nước  $j$  tại năm  $t$ ;  $INF_{it}$ : Lạm phát của Việt Nam tại năm  $t$ ;  $DIS_{ijt}$ : Khoảng cách địa lý giữa Việt Nam và nước  $j$ ;  $EDIS_{ijt}$ : Khoảng cách về kinh tế giữa Việt Nam và nước  $j$  vào năm  $t$  (là giá trị tuyệt đối chênh lệch về GDP bình quân đầu người giữa 2 quốc gia);  $ER_{it}$ : Tỷ giá thực tế bình quân (USD/VND) vào năm  $t$ ;  $WTO_{ijt}$ : biến giả, nhận giá trị 0 nếu nước nhập khẩu cà phê của Việt Nam chưa gia nhập WTO; nhận giá trị 1 nếu

mô hình này được ứng dụng rộng rãi trong lĩnh vực thương mại quốc tế với nhiều các nghiên cứu thực nghiệm (Anderson, 1979; Bergstrand, 1985; Erdem và Nazlioglu, 2008; Hatab, Romstad và Huo, 2010). Kế thừa các nghiên cứu trên đây, Mô hình Trọng lực được phát triển như sau:

nước nhập khẩu cà phê của Việt Nam là thành viên của WTO vào năm  $t$ ;  $APEC_{ijt}$ : biến giả, nhận giá trị 0 nếu Việt Nam và nước nhập khẩu cà phê không là thành viên của APEC năm  $t$ ; nhận giá trị 1 nếu Việt Nam và nước nhập khẩu cà phê đều là thành viên của APEC vào năm  $t$ ;  $\beta_i$ : là các hệ số hồi quy thể hiện mức độ tác động của yếu tố thứ  $i$  trong mô hình;  $\alpha_{ijt}$ : Sai số ngẫu nhiên.

#### Nguồn số liệu

Nguồn số liệu được sử dụng trong Mô hình Trọng lực là bộ số liệu hỗn hợp của 85 quốc gia trong giai đoạn 1997 - 2013. Nguồn số liệu này được thu thập từ các tổ chức trong nước và quốc tế có uy tín, cụ thể như sau:

**Bảng 4: Nguồn số liệu của các biến được sử dụng trong Mô hình Trọng lực**

STT	Tên biến	Nguồn số liệu sử dụng
1	Kim ngạch xuất khẩu	World Bank, 2015a
2	Tổng sản phẩm quốc nội	World Bank, 2015b
3	Dân số	World Bank, 2015b
4	Diện tích đất nông nghiệp	World Bank, 2015b
5	Lạm phát	www.imf.org
6	Tỷ giá hối đoái	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
7	Khoảng cách về địa lý	www.freemaptools.com
8	Khoảng cách về kinh tế	World Bank, 2015b
9	Độ mở của nền kinh tế	World Bank, 2015a
10	Biến giá WTO	www.wto.org
11	Biến giá APEC	www.apec.org

*Nguồn: Tổng hợp của tác giả.*

#### **Kết quả nghiên cứu và thảo luận**

Kết quả hồi quy sử dụng các phương pháp ước lượng khác nhau (với 1.445 quan sát) được trình bày tại Bảng 5. Đối với bộ dữ liệu bảng được sử dụng trong nghiên cứu, phương pháp OLS cho kết quả ước lượng chệch. Do vậy, các mô hình hiệu ứng cố định (FEM) và mô hình hiệu ứng ngẫu nhiên (REM) được áp dụng. Để lựa chọn giữa FEM và REM, bài viết sử dụng kiểm định Hausman. Kết quả kiểm định cho giá trị P-value  $0,9913 > 0,05$ , do vậy REM được lựa chọn.

Dựa vào kết quả ước lượng REM, khi GDP của Việt Nam tăng sẽ có tác động ngược chiều đối với xuất khẩu cà phê của Việt Nam,

trong khi đó GDP của nước đối tác có ảnh hưởng tích cực đến xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Cụ thể, khi GDP của Việt Nam tăng lên 1%, xuất khẩu cà phê của Việt Nam bình quân sẽ giảm xuống 1,209% với mức ý nghĩa nhỏ hơn 1%. Điều này cho thấy, khi nền kinh tế phát triển, nhu cầu giải trí và thưởng thức đồ uống trong nước tăng lên, làm giảm xuất khẩu. Ngược lại, khi GDP của nước đối tác tăng lên 1%, xuất khẩu cà phê của Việt Nam bình quân sẽ tăng lên là 0,857%, kết quả này có thể giải thích rằng khi GDP của nước đối tác tăng lên, nhu cầu thưởng thức đồ uống tăng lên và đa dạng hơn, dẫn đến việc nhập khẩu cà phê tăng lên.

**Bảng 5:** Các yếu tố ảnh hưởng đến KNXK cà phê của Việt Nam

Biến độc lập	OLS	FEM	REM
Hệ số chặn	-7,941* (-1,64)	96,71*** (3,37)	-7,71* (-1,85)
LnGDPit	-1,542*** (-2,68)	-0,287 (-0,64)	-1,209*** (-2,97)
LnGDPjt	1,015*** (15,96)	0,402 (1,59)	0,857*** (5,88)
Ln(POPit*POPjt)	0,060 (0,65)	-2,117** (-2,24)	0,154 (0,57)
Ln(LANit*LANjt)	-0,532*** (-8,36)	-10,112*** (-3,06)	-0,391** (-2,01)
LnINFit	-0,439** (-2,37)	-0,226* (-1,66)	-0,371*** (-2,88)
LnDISij	-0,027 (-0,22)		-0,188 (-0,49)
LnEDISijt	0,415*** (6,25)	0,141 (1,17)	0,170 (1,59)
LnERit	3,41** (2,36)	2,029* (1,92)	2,90*** (2,87)
LnOPENit	6,166*** (4,12)	5,206*** (4,60)	5,961*** (5,75)
WTOjt	-4,81*** (-5,22)	0,620*** (3,80)	0,392*** (2,69)
APECij	0,243*** (2,61)		0,183 (0,64)
Hệ số xác định bội ( $R^2$ )	0,49	0,32	0,48
Giá trị kiểm định	$F = 111,6$	$F = 69,82$	$Wald = 675,62$

**Ghi chú:** \*, \*\*, \*\*\*: Tương ứng với mức ý nghĩa nhỏ hơn 10%, 5%, 1%

**Nguồn:** Kết quả ước lượng sử dụng phần mềm Stata.



Nước có diện tích đất nông nghiệp lớn hơn thì sẽ có khả năng hơn trong sản xuất cà phê, dẫn đến nhu cầu nhập khẩu cà phê từ Việt Nam giảm xuống. Do vậy, biến diện tích đất nông nghiệp có ảnh hưởng ngược chiều đến xuất khẩu cà phê của Việt Nam với mức ý nghĩa thống kê nhỏ hơn 5%. Đối với biến lạm phát, hệ số hồi quy nhận giá trị âm cho thấy tác động ngược chiều đến KNKK cà phê của Việt Nam. Điều này có nghĩa, khi lạm phát của Việt Nam tăng, sẽ đẩy giá cà phê trong nước lên làm giảm khả năng cạnh tranh của cà phê của Việt Nam so với các nước khác, dẫn đến KNKK cà phê của Việt Nam giảm xuống.

Biến tỷ giá hối đoái (ER) tác động tích cực đến KNKK cà phê của Việt Nam. Cụ thể, tỷ giá hối đoái tăng 1% sẽ làm KNKK cà phê của Việt Nam tăng bình quân là 2,9% với mức ý nghĩa thống kê nhỏ hơn 1%. Điều này là phù hợp với lý thuyết, bởi tỷ giá hối đoái thể hiện khả năng cạnh tranh của sản phẩm, khi tỷ giá hối đoái tăng sẽ làm cho mặt hàng cà phê của Việt Nam cạnh tranh hơn, dẫn đến tăng khả năng xuất khẩu của cà phê.

Biến độ mở nền kinh tế của Việt Nam (OPEN) có tác động tích cực đến KNKK cà phê. Trên thực tế khi một quốc gia có độ mở càng cao thể hiện việc mở cửa, tự do hóa thương mại nhiều hơn. Kết quả là khi độ mở nền kinh tế Việt Nam tăng lên 1% sẽ làm KNKK cà phê tăng bình quân 5,96%. Kết quả

nghiên cứu này phù hợp với lý thuyết và các nghiên cứu trước đây.

Hội nhập kinh tế quốc tế thể hiện qua việc gia nhập WTO của nước nhập khẩu cũng có ảnh hưởng tích cực đến xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Kết quả hồi quy cho thấy, khi nước nhập khẩu là thành viên của WTO sẽ làm cho xuất khẩu cà phê của Việt Nam tăng bình quân là 48% ( $e^{0,392} = 1,48$ ) với mức ý nghĩa thống kê trên 1%.

#### 4. Kết luận

Kết quả phân tích cho thấy, cà phê đã và đang là nông sản có thế mạnh trong xuất khẩu của Việt Nam. Tuy nhiên, sản lượng và KNKK mặt hàng này lại phụ thuộc khá nhiều vào những biến động của thị trường thế giới và các đối thủ cạnh tranh. Sử dụng Mô hình Trọng lực, kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng các biến: GDP của 2 nước, diện tích đất nông nghiệp, lạm phát, tỷ giá hối đoái, độ mở nền kinh tế và nước nhập khẩu tham gia vào WTO có ảnh hưởng đến KNKK cà phê của Việt Nam. Trong tương lai, để đẩy mạnh xuất khẩu cà phê của Việt Nam, Chính phủ cần tiếp tục kiên định chính sách mở cửa, hội nhập, giữ ổn định lạm phát và điều chỉnh tỷ giá hối đoái một cách linh hoạt hơn. Ngoài ra, Chính phủ cũng cần quan tâm đến đầu tư phát triển công nghệ chế biến, bảo quản cà phê nhằm tạo ra các sản phẩm cà phê có chất lượng cao, mẫu mã và chủng loại ngày một đa dạng hơn nhằm nâng cao tính cạnh tranh cho sản phẩm trên thị trường thế giới♦

**Tài liệu tham khảo:**

1. Anderson J. E. (1979): *A Theoretical for the Gravity Equation*, The American Economic Review 69(1), pp. 106-116.
2. Balassa B. (1977): *Revealed Comparative Advantage Revisited*, The Manchester School 45, pp. 327-344.
3. Bergstrand J. H. (1985): *The Gravity Equation in International Trade: Some Microeconomic Foundations and Empirical Evidence*, The Review of Economics and Statistics 67(3), pp. 474 - 481.
4. Erdem and Nazlioglu (2008): *Gravity model of Turkish Agricultural Exports to the European Union*, International Trade and Finance Association, 2008.
5. Hatab, Abu, Romstad and Huo X. (2010): *Determinants of Egyptian Agricultural Exports: A Gravity Model Approach*, Modern Economy (1), pp. 134 -143.
6. Linnermann H. (1966): *An Econometric Study of International Trade Flows*, Amsterdam, North - Holland.
7. Tinbergen J. (1962): *Shaping the World Economy: Suggestions for an International Economy Policy*, New York: The Twentieth Century Fund.
8. United States Department of Agriculture (2015): Foreign Agricultural Service, website: <http://www.fas.usda.gov>, ngày truy cập: 20/9/2015.
9. World Bank, (2015a): World Bank Integrated Trade Solution (WITS), website: <http://www.worldbank.org/WITS/>, <http://www.worldbank.org/WITS/>, ngày truy cập: 11/9/2015.
10. World Bank, (2015b): World Development Indicators, website: <http://www.worldbank.org/indicator/>, ngày truy cập: 16/9/2015.